

Số: *M87*/KH-UBND

Vạn Ninh, ngày 04 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đánh giá toàn diện tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Vạn Ninh theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chương trình cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011 - 2020 kèm theo Quyết định số 3377/QĐ-UBND ngày 18/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh; xác định rõ những kết quả nổi bật đã đạt được, chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Trên cơ sở đó, đề xuất các định hướng, giải pháp, nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước trong tình hình mới. Kịp thời động viên, khích lệ những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp thiết thực trong thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, tạo động lực phấn đấu trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

Việc tổng kết, đánh giá phải bảo đảm tính toàn diện, thiết thực, hiệu quả, chất lượng, tiết kiệm; đánh giá đa chiều, với sự tham gia của tất cả cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Vạn Ninh.

Báo cáo tổng kết Chương trình bảo đảm đánh giá chính xác, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung cải cách hành chính; tập trung làm rõ kết quả so với mục tiêu, làm rõ mục tiêu đạt được, nguyên nhân những mục tiêu không đạt được; việc tổng hợp, phân tích các số liệu thống kê làm rõ kết quả đạt được trong

thực hiện Chương trình tổng thể theo từng giai đoạn (giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020). Đồng thời, đề xuất được những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung trên các nội dung về thể chế, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, tài chính công và hiện đại hóa hành chính.

Gắn việc tổng kết với công tác thi đua - khen thưởng, đề xuất được hình thức khen thưởng phù hợp cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ.

1. Xây dựng báo cáo tổng kết

- Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ Đề cương, các phụ lục (*kèm theo kế hoạch này*) và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để xây dựng báo cáo tổng kết; bảo đảm đánh giá đầy đủ, cụ thể, chính xác, toàn diện kết quả đạt được trên các nội dung cải cách hành chính; những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm. Đồng thời, đề xuất được những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2021 - 2030.

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổng hợp, xây dựng, tham mưu trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành Báo cáo tổng kết cải cách hành chính huyện Vạn Ninh giai đoạn 2011 - 2020 theo đề cương và phụ lục Kế hoạch tổng kết giai đoạn 2011 - 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Biểu dương, khen thưởng:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn bình xét, đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan đánh giá, công nhận thành tích và đề xuất hình thức khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của huyện.

3. Hình thức tổng kết

Căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của địa phương, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh, Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị tổng kết phù hợp, bảo đảm hiệu quả, chất lượng, tiết kiệm.

4. Tiến độ cụ thể:

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng Kế hoạch tổng kết giai đoạn 2011 - 2020	Tháng 5/2020	Phòng Nội vụ	
2	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin gửi báo cáo theo lĩnh vực phân công phụ trách về Phòng Nội vụ tổng hợp tham mưu Báo cáo tổng kết giai đoạn 2011 - 2020 của huyện gửi Sở Nội vụ.	Trước ngày 20/5/2020	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn phối hợp báo cáo, cung cấp số liệu theo yêu cầu của các cơ quan chuyên môn.
a)	Tổng kết công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; cải cách tổ chức bộ máy hành chính; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức		Phòng Nội vụ	Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp báo cáo về nội dung thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.
b)	Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện cải cách thể chế		Phòng Tư pháp	UBND các xã, thị trấn
c)	Cải cách tài chính công; đẩy mạnh thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công		Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND các xã, thị trấn

STT	Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
d)	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và xây dựng Chính phủ điện tử		Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND các xã, thị trấn
e)	Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính; Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9010:2015		Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND các xã, thị trấn
3	Tổng hợp, xây dựng Báo cáo tổng kết cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của huyện (theo đề cương) gửi Sở Nội vụ.	Trước ngày 03/6/2020	Phòng Nội vụ	Các phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn
4	Xây dựng các báo cáo tham luận phục vụ Hội nghị tổng kết cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của huyện	Tháng 7/2020	Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện đặt hàng các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện	Các cơ quan, đơn vị có liên quan
5	Tham mưu UBND huyện lập hồ sơ đề nghị khen thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh và bình xét, đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tại Hội nghị tổng kết cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020 của huyện	Tháng 7/2020	Phòng Nội vụ hướng dẫn, đề xuất	Tập thể, cá nhân được đề xuất khen thưởng
6	Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện Vạn Ninh giai đoạn 2011 - 2020	Tháng 8/2020	Phòng Nội vụ	Văn phòng HĐND và UBND huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Phòng Nội vụ chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân huyện dự trù kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết và khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020.

Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp bổ sung kinh phí cho Phòng Nội vụ để tổ chức Hội nghị tổng kết và khen thưởng theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Báo cáo tổng kết cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện Vạn Ninh trình Sở Nội vụ và tổ chức Hội nghị tổng kết với hình thức phù hợp, bảo đảm hiệu quả, chất lượng, tiết kiệm.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được, những sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện thời gian qua.

- Chủ trì, hướng dẫn công tác bình xét thi đua khen thưởng; tổng hợp đề xuất khen thưởng của các cơ quan, đơn vị trình Hội đồng thi đua khen thưởng huyện và cấp trên khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này.

2. Các phòng ban chuyên môn: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Tư pháp, Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Theo chức năng, nhiệm vụ quản lý và lĩnh vực được phân công phụ trách hoàn thiện nội dung báo cáo theo Đề cương và các phụ lục kèm theo Kế hoạch gửi về Phòng Nội vụ tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Báo cáo tổng kết cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn huyện theo quy định.

- Tích cực phối hợp thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được, các sáng kiến, giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị nói riêng và huyện Vạn Ninh nói chung.

3. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện:

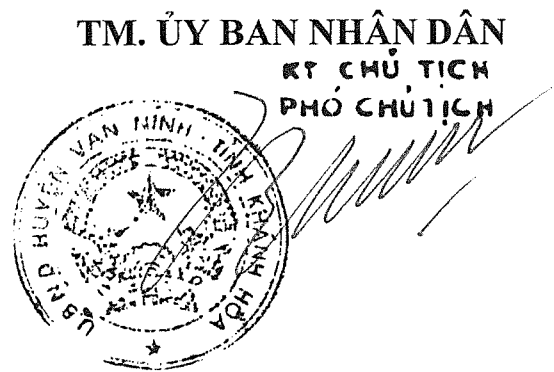
- Phối hợp thông tin, tuyên truyền về những kết quả nổi bật đã đạt được trong công tác cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2020, những sáng kiến điển hình, các giải pháp hiệu quả trong cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

- Lồng ghép thông tin, tuyên truyền về tình hình thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này trong các chuyên mục cải cách hành chính định kỳ phát trên hệ thống truyền thanh của huyện và các xã, thị trấn.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai, phối hợp thực hiện. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Khánh Hòa (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Các đơn vị ngành dọc huyện;
- Các phòng ban, đơn vị sự nghiệp;
- UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, NV.



Trần Ngọc Khiêm

Phụ lục 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020
(Kèm theo Kế hoạch Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tình hình phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP của Chính phủ; các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ thị... về cải cách hành chính của các cơ quan cấp trên.

- Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hàng năm; các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác CCHC.

- Việc bố trí nguồn lực triển khai (kinh phí hàng năm và nhân lực); kết quả huy động các nguồn lực khác (nếu có). Những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân.

- Công tác theo dõi, tự đánh giá kết quả Chỉ số CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả Chỉ số CCHC qua các năm; việc nâng cao chất lượng phục vụ, cải thiện mức độ hài lòng và sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Những mô hình, sáng kiến trong CCHC đã được triển khai áp dụng (nêu rõ tên sáng kiến, quy mô áp dụng, hiệu quả đem lại về nhân công, thời gian, kinh phí...).

- Công tác thi đua khen thưởng trong CCHC; xử lý vi phạm (nếu có).

- Những thuận lợi, khó khăn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

2. Kiểm tra việc thực hiện

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra hàng năm (tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra, hình thức, nội dung kiểm tra).

- Đánh giá tác động của công tác kiểm tra đến sự chuyên biến trong công tác triển khai CCHC của các cơ quan, đơn vị; những vấn đề lớn đã phát hiện và xử lý sau kiểm tra.

- Kết quả khắc phục những hạn chế, thiếu sót qua kết quả kiểm tra CCHC hàng năm.

3. Thông tin, tuyên truyền, tập huấn CCHC

- Việc xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch thông tin, tuyên truyền, tập huấn về CCHC hàng năm.

- Kết quả thực hiện kế hoạch: nội dung thông tin, tuyên truyền; các hình thức thông tin, tuyên truyền đã triển khai; mức độ hoàn thành kế hoạch; đánh giá hiệu quả của thông

tin tuyên truyền đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; người dân, doanh nghiệp và xã hội. Việc tổ chức, tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên đề CCHC và hiệu quả mang lại.

- Những thuận lợi, khó khăn và nguyên nhân.

4. Đánh giá chung về công tác triển khai

a) Mặt tích cực đạt được

b) Tồn tại, hạn chế

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THEO CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ

Bám sát các mục tiêu (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể) và nội dung cải cách hành chính, nêu rõ kết quả đạt được, những nội dung và mục tiêu đạt được, mức độ đạt được; mặt chưa đạt được, nguyên nhân cụ thể trên các nội dung sau đây:

1. Cải cách thể chế (Phòng Tư pháp báo cáo).

1.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Về tình hình triển khai xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của huyện trên cơ sở Hiến pháp năm 2013

b) Về xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện; trong đó, tập trung các nội dung sau:

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, việc tuân thủ quy trình xây dựng pháp luật; đánh giá chất lượng văn bản được ban hành.

- Tham mưu xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Nêu cụ thể tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

- Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

c) Việc tổ chức triển khai hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện:

- Việc tổ chức triển khai: kết quả, đánh giá tác động của các thể chế đó đến các mặt của đời sống xã hội: phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự an toàn xã hội, an sinh xã hội...

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị.

1.2. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân.

2. Cải cách thủ tục hành chính (Văn phòng HĐND và UBND huyện báo cáo)

2.1. Kết quả đạt được

a) Cải cách TTHC; đơn giản hóa TTHC; ghép nối, liên thông quy trình thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định (từ cấp tỉnh đến cấp xã).

b) Về kiểm soát TTHC

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo các quy định.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Việc cập nhật, tham mưu công bố thủ tục hành chính theo quy định.

c) Công khai thủ tục hành chính theo quy định của Chính phủ.

d) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (*Phòng Nội vụ tổng hợp chung*).

- Tình hình thực hiện các quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tổ chức bộ phận một cửa, tiếp nhận và giải quyết TTHC,...).

- Kết quả cung cấp dịch vụ hành chính công (tỷ lệ hồ sơ đúng hẹn, sớm hẹn, trễ hẹn; thay đổi như thế nào qua các năm).

- Về tình hình, kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (trong đó nêu rõ số lượng TTHC, hồ sơ được thực hiện trực tuyến thay đổi như thế nào qua các năm).

- Về triển khai thanh toán trực tuyến phí, lệ phí (nêu rõ số lượng hồ sơ đã phát sinh thanh toán phí, lệ phí trực tuyến).

- Về triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (trong đó nêu rõ số lượng TTHC, hồ sơ được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thay đổi như thế nào qua các năm).

g) Sáng kiến, giải pháp cải cách thủ tục hành chính.

2.2. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân

3. Cải cách tổ chức bộ máy (*Phòng Nội vụ báo cáo*)

3.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy của UBND, cơ quan chuyên môn cấp huyện.

- Tình hình triển khai các quy định về tổ chức bộ máy, trong đó nêu rõ mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy, số lượng lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó của cơ quan và phòng chuyên môn của cơ quan, đơn vị.

- Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy: Số lượng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc tăng, giảm qua các đợt sắp xếp tổ chức bộ máy; tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị.

- Tình hình quản lý biên chế; thực hiện tinh giản biên chế của huyện.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc của huyện.

b) Đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương (thực hiện báo cáo theo phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương và sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

c) Về phân cấp quản lý

- Việc đề xuất đẩy mạnh phân cấp đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý (nội dung đề xuất đã được phân cấp, nội dung tiếp tục kiến nghị được phân cấp....).

- Việc thực hiện các quy định phân cấp tại cơ quan, đơn vị, địa phương (ghi rõ nội

dung đang thực hiện phân cấp tại cơ quan, đơn vị, địa phương).

- Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước đã được phân cấp.

- Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra.

d) Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

- Công tác xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra.

- Kết quả thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, kết quả xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra.

đ) Cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công.

e) Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

(Phòng Nội vụ báo cáo)

4.1. Kết quả chủ yếu đã đạt được

a) Kết quả triển khai và thực hiện các nội dung về cải cách chế độ công vụ, công chức.

- Về cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Việc thực hiện đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của huyện: Việc tuyển dụng; thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo nguyên tắc cạnh tranh; thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý; chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính; đổi mới công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc luân chuyển, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin, các mô hình, phương pháp, công nghệ hiện đại trong quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

b) Về công chức cấp xã

- Cơ cấu, số lượng.

- Chất lượng.

- Đào tạo, bồi dưỡng.

4.2. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân

5. Cải cách tài chính công (Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo)

5.1. Kết quả chủ yếu đạt được

a) Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước của huyện.

c) Đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở huyện.

d) Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính nhà nước trong huyện.

đ) Tăng cường đầu tư, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động toàn xã hội chăm lo phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao.

e) Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

g) Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập ở huyện

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính nhà nước.

- Về thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

5.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

6. Hiện đại hóa hành chính (*Phòng Văn hóa và Thông tin báo cáo*)

6.1. Kết quả đạt được

a) Việc ban hành và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của huyện: Xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử; Cổng dịch vụ công; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của huyện.

b) Kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ thông tin của huyện;

- Về hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý, dữ liệu chuyên ngành, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị trong huyện...

+ Số đơn vị có mạng WAN, LAN, số đơn vị kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

+ Số lượng chữ ký số được cấp cho cán bộ, công chức.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong huyện:

+ Số đơn vị sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa cơ quan nhà nước; hiện trạng kết nối giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành và với Trục liên thông văn bản quốc gia.

+ Tỷ lệ cán bộ, công chức được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ.

+ Công tác xử lý hồ sơ công việc qua môi trường mạng (tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng).

- Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; triển khai các hệ thống một cửa điện tử:

+ Cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 (nêu rõ số dịch vụ cung cấp, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, số hồ sơ được giải quyết trực tuyến, hiện trạng tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; hiện trạng công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ;...).

+ Số đơn vị xây dựng, sử dụng phần mềm một cửa điện tử, tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử.

c) Tình hình triển khai hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001: 2015 (nếu đã triển khai) tại các cơ quan, đơn vị. (*Văn phòng HĐND và UBND huyện báo cáo*)

6.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá khái quát kết quả đã đạt được
2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2030

Căn cứ vào kết quả các cơ quan, đơn vị đề xuất mục tiêu và những nội dung, nhiệm vụ CCHC trọng tâm cần thiết mà UBND huyện cần tập trung triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030 trên những lĩnh vực sau:

1. Về thể chế (*Phòng Tư pháp đề xuất*).
2. Về thủ tục hành chính (*Văn phòng HĐND và UBND huyện đề xuất*).
3. Về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (*Phòng Nội vụ đề xuất*).
4. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (*Phòng Nội vụ đề xuất*).
5. Về tài chính công (*Phòng Tài chính - Kế hoạch đề xuất*).
6. Về hiện đại hóa hành chính và xây dựng chính quyền điện tử (*Phòng Văn hóa và Thông tin đề xuất*).

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị với Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy định, chế độ, chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tế để đẩy mạnh CCHC nhà nước trong thời gian tới.

2. Kiến nghị với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh các biện pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị để thực hiện tốt hơn các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước trong giai đoạn tới.

3. Những kiến nghị khác.

Phần thứ tư

THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH HUYỆN VẠN NINH QUA CÁC NĂM

(Các cơ quan tổng hợp, báo cáo theo chỉ tiêu, tiêu chí được phân công tại Phụ lục 2)

LƯU Ý:

- Trên đây là Đề cương báo cáo chung để phục vụ công tác tổng kết Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2011-2020, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiên cứu và báo cáo các nội dung, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm triển khai thực hiện.

Phụ lục 2
THỐNG KÊ CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUA CÁC NĂM

(Kèm theo Kế hoạch Tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030)

I. Bảng phân công báo cáo, thống kê các chỉ tiêu trên các lĩnh vực:

STT	Lĩnh vực thống kê	Đơn vị báo cáo	Ghi chú
1	Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành	Phòng Nội vụ	
2	Lĩnh vực cải cách thể chế	Phòng Tư pháp	UBND cấp xã phối hợp
3	Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND cấp xã phối hợp
4	Cải cách bộ máy hành chính nhà nước	Phòng Nội vụ	UBND cấp xã phối hợp
5	Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	Phòng Nội vụ	UBND cấp xã phối hợp
6	Lĩnh vực cải cách tài chính công	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND cấp xã phối hợp
7	Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính	Phòng Văn hóa và Thông tin	UBND cấp xã phối hợp
8	Đánh giá chung	Phòng Nội vụ	

II. Chi tiết chỉ tiêu thống kê trên các lĩnh vực

1. Lĩnh vực chỉ đạo, điều hành

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành	Phòng Nội vụ						
-	Văn bản của Huyện ủy							
-	Văn bản của UBND Huyện, Chủ tịch UBND huyện							
2	Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC	Phòng Nội vụ						
3	Tuyên truyền CCHC							
-	Tổ chức cuộc thi tìm hiểu CCHC (Có tổ chức = x; Không tổ chức = 0)	Phòng Nội vụ						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	Số lượng bản tin chuyên đề CCHC	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao						
-	Số lớp tập huấn chuyên đề CCHC	Phòng Nội vụ						
--	Xây dựng chuyên mục CCHC trên Cổng TTĐT của huyện (Có xây dựng = x; Không xây dựng = 0)	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao						
-	Hình thức tuyên truyền CCHC khác (nếu có)	Phòng Nội vụ						
4	Số lượng mô hình, sáng kiến CCHC được triển khai áp dụng	Phòng Nội vụ						
5	Xây dựng, áp dụng bộ tiêu chí đánh giá CCHC các cơ quan, đơn vị	Phòng Nội vụ						
-	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp huyện							
-	Bộ tiêu chí đánh giá UBND cấp xã							
6	Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức	Phòng Nội vụ						
-	Số lượng dịch vụ đã khảo sát							
-	Số lượng mẫu đã khảo sát							
-	Mức độ hài lòng chung							
7	Kinh phí CCHC hàng năm	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
-	Kinh phí CCHC sử dụng							
-	Kinh phí CCHC phân bổ							

2. Lĩnh vực cải cách thể chế

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) chủ trì soạn thảo đã được ban hành	Phòng pháp						
	Nghị quyết của Hội đồng nhân cấp huyện							
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện							
1	Chia theo tên loại VBQPPL							
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã							
	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã							
2	Số VBQPPL được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát	Phòng pháp						
		Tư						
3	Số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sau rà soát	Phòng pháp						
		Tư						
4	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Phòng pháp						
		Tư						
5	Số VBQPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền	Phòng pháp						
		Tư						

STT	Nhiệm vụ/tiêu chí	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
6	Số VBQPPL trái pháp luật về nội dung, thẩm quyền đã được xử lý	Phòng pháp Tư						
7	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật	Phòng pháp Tư						

3. Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số TTHC của huyện	Văn phòng HĐND và UBND huyện						
-	Số lượng TTHC cấp huyện							
-	Số lượng TTHC cấp xã							
2.	Số TTHC được đơn giản hóa sau rà soát (theo thẩm quyền của huyện, như: giảm thời gian giải quyết...)	Văn phòng HĐND và UBND huyện						
3.	Số lượng thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng Thông tin điện tử huyện	Văn phòng HĐND và UBND huyện						
4.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Phòng Nội vụ, Văn phòng HĐND và UBND huyện						
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp huyện							
-	Số lượng TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa cấp xã							
-	Số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp							
-	Số lượng TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền							
-	Số lượng TTHC đã thực hiện 4 tại chỗ							
5.	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	Phòng Nội vụ						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp huyện giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)							
-	Tỷ lệ hồ sơ TTHC cấp xã giải quyết đúng hạn (đã tiếp nhận/đã trả đúng hạn)							
6.	Tiếp nhận và xử lý PAKN về TTHC	Văn phòng HĐND và UBND huyện						
-	Số lượng PAKN đã tiếp nhận trong năm							
-	Số lượng PAKN đã giải quyết trong năm							
-	Số lượng PAKN được xử lý và đã công khai kết quả trả lời trên Cổng TTĐT							

5. Lĩnh vực xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tổng số biên chế cán bộ, công chức	Phòng Nội vụ						
-	Tổng số được giao							
-	Tổng số có mặt							
2.	Tổng số biên chế viên chức	Phòng Nội vụ						
-	Tổng số được giao							
-	Tổng số có mặt							
3.	Số công chức được tuyển dụng theo hình thức thi cạnh tranh	Phòng Nội vụ						
4.	Số công chức được bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo, quản lý thông qua thi tuyển cạnh tranh	Phòng Nội vụ						
5.	Số lượng cán bộ, công chức được tinh giản biên chế	Phòng Nội vụ						
6.	Số lượng công chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	Phòng Nội vụ						
7.	Số lượng viên chức được bồi dưỡng, tập huấn hàng năm	Phòng Nội vụ						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
8.	Số lượng các lớp đào tạo, bồi dưỡng	Phòng Nội vụ						

6. Lĩnh vực cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp, báo cáo	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế tự chủ	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND huyện thực hiện cơ chế tự chủ	Phòng Tài chính - Kế hoạch						
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư							
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên							
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên							
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên							
3	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP	Phòng Tài chính - Kế hoạch						

7. Lĩnh vực hiện đại hóa hành chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
1.	Tỷ lệ văn bản hành chính được trao đổi dưới dạng điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin						
2.	Số đơn vị kết nối Trục liên thông văn bản QG	Phòng Văn hóa và Thông tin						
3.	Số lượng văn bản nhận trên Trục liên thông VBQG	Phòng Văn hóa và Thông tin						
4.	Số lượng văn bản gửi trên Trục liên thông VBQG	Phòng Văn hóa và Thông tin						
5.	Số lượng chữ ký số	Phòng Văn hóa và Thông tin						
6.	Tỷ lệ công chức có hộp thư điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin						
7.	Số cơ quan chuyên môn thuộc huyện, đơn vị hành chính cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	Phòng Văn hóa và Thông tin						
8.	Số cơ chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp huyện sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	Phòng Văn hóa và Thông tin						

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tổng hợp	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020 (Tính đến 31/3)
9.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp huyện có Cổng/Trang Thông tin điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin						
10.	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	Phòng Văn hóa và Thông tin						
11.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 có phát sinh hồ sơ	Phòng Văn hóa và Thông tin						
12.	Số đơn vị sử dụng phần mềm một cửa điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin						
13.	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua hệ thống một cửa điện tử	Phòng Văn hóa và Thông tin						
14.	Số cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp huyện đã Công bố HTQLCL ISO	Văn phòng HĐND và UBND huyện						